

Số: *09* /2017/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày *19* tháng 5 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý nhà nước về giá
trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

Căn cứ Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn; Nghị định số 49/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 109/2013/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 31/2014/TT-BTC ngày 07 tháng 3 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá tại Nghị định số 109/2013/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP; Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 1182/TTr-STC ngày 24 tháng 4 năm 2017, Báo cáo số 116/BC-STP ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2017 và thay thế Quyết định số 46/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *✓*

Nơi nhận:

- Chính phủ;
 - Bộ Tài chính;
 - Bộ Tư pháp;
 - Thường trực Tỉnh ủy;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
 - Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
 - Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
 - Như Điều 3;
 - Trung tâm Thông tin tỉnh;
 - Lưu: VT, KT, CNN, TH.
- Trình, QĐ/T5, 70b *✓*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Wu Hong Bac

Vũ Hồng Bắc

QUY ĐỊNH

Quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên
(Ban hành kèm theo Quyết định số 09 /2017/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá, kiểm tra, thanh tra về giá trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; danh mục hàng hoá, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá và thẩm quyền quyết định giá, hiệp thương giá, thẩm định giá, công khai thông tin về giá, đăng ký giá, kê khai giá trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân sản xuất hàng hóa, kinh doanh dịch vụ, người tiêu dùng; cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Về nội dung quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá

1. Tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá do Chính phủ quyết định và hướng dẫn của Bộ Tài chính, các bộ, cơ quan ngang bộ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; tổ chức triển khai thực hiện các quyết định về giá hàng hóa, dịch vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành; thực hiện chương trình bình ổn giá thị trường phù hợp với thực tế của địa phương.

2. Quyết định ban hành và bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật về giá thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh; quyết định giá hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa dịch vụ nhà nước định giá theo thẩm quyền; quyết định bình ổn giá cụ thể tại địa phương theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Luật Giá và tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá trên địa bàn theo thẩm quyền được phân cấp.

3. Kiểm tra yếu tố hình thành giá hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện công bố hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những biện pháp bình ổn giá trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền được phân cấp, góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển và ổn định đời sống nhân dân trong tỉnh.

5. Tổ chức hiệp thương giá hàng hóa, dịch vụ theo thẩm quyền được phân cấp theo quy định của pháp luật.

6. Tổ chức thu thập, lưu trữ cơ sở dữ liệu về giá, phân tích và xử lý các thông tin giá cả thị trường ở địa phương.

7. Thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động thẩm định giá trên địa bàn tỉnh; thẩm định giá tài sản nhà nước theo các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

8. Kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về giá. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm pháp luật về giá, thẩm định giá theo thẩm quyền.

9. Quy định trình tự, thẩm định và quyết định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức thực hiện kê khai giá, đăng ký giá, nội dung lập phương án giá và hiệp thương giá tại địa phương.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1. BÌNH ỔN GIÁ

Điều 4. Hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá:

a) Xăng, dầu thành phẩm tiêu thụ nội địa ở nhiệt độ thực tế bao gồm: Xăng động cơ, dầu hỏa, dầu điêzen.

b) Điện bán lẻ.

c) Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).

d) Phân đạm urê; phân NPK.

đ) Thuốc bảo vệ thực vật, bao gồm: Thuốc trừ sâu, thuốc trừ bệnh, thuốc trừ cỏ.

e) Vac-xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm.

g) Muối ăn.

h) Sữa dành cho trẻ em dưới 6 tuổi.

i) Đường ăn, bao gồm: Đường trắng và đường tinh luyện.

k) Thóc, gạo tẻ thường.

l) Thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

2. Trong trường hợp thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, tai nạn bất ngờ, căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định áp dụng một số biện pháp bình ổn giá cụ thể như sau:

a) Điều hòa cung cầu một số hàng hóa, dịch vụ thiết yếu trên địa bàn.

- b) Các biện pháp tài chính, tiền tệ phù hợp với quy định của pháp luật.
- c) Đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện bình ổn giá theo quy định.
- d) Kiểm tra yếu tố hình thành giá, kiểm soát hàng hóa tồn kho, kiểm tra số lượng, khối lượng hàng hóa hiện có trên địa bàn.
- đ) Áp dụng biện pháp hỗ trợ về giá phù hợp với quy định của pháp luật và các cam kết quốc tế.
- e) Định giá cụ thể, giá tối đa, giá tối thiểu hoặc khung giá hàng hóa, dịch vụ thiết yếu để phục vụ sản xuất, tiêu dùng.
- g) Quyết định tổ chức các đoàn kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định quản lý nhà nước về quản lý giá bán hàng hóa, dịch vụ theo đúng giá do cơ quan có thẩm quyền quy định; giá đã đăng ký và giá niêm yết. Xử phạt các vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh có trách nhiệm thực hiện các biện pháp bình ổn giá do Chính phủ quyết định, hướng dẫn của Bộ Tài chính, các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định; chủ động thực hiện chương trình bình ổn thị trường phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Đăng ký giá

1. Sở Tài chính, các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá theo quy định tại Khoản 3 Điều này của các tổ chức, cá nhân (bao gồm cả các đại lý có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá) có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên mà không có tên trong danh sách thực hiện đăng ký giá ở Trung ương, không có tên trong văn bản hướng dẫn riêng về việc đăng ký giá của các bộ, ngành theo thẩm quyền.

2. Tổ chức, cá nhân là chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá (ký hợp đồng phân phối trực tiếp với nhà cung cấp và mua, bán hàng hóa, dịch vụ theo giá do nhà cung cấp quyết định) không phải đăng ký giá nhưng có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản gửi Sở Tài chính, sở quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện sau khi nhận thông báo hoặc quyết định điều chỉnh giá của nhà cung cấp và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của việc cung cấp thông tin.

3. Cơ quan tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá:

a) Sở Tài chính tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Khoản 1 (trừ Điểm h và Điểm l) Điều 4 Quy định này.

b) Sở Công Thương tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 4 Quy định này.

c) Sở Y tế tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điểm l Khoản 1 Điều 4 Quy định này.

d) Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Khoản 1 Điều 4 Quy định này trên địa bàn huyện.

đ) Định kỳ vào ngày 01 tháng 07 hằng năm, sở quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền đăng ký giá chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh và các cơ quan chuyên môn của tỉnh rà soát, đề xuất điều chỉnh danh sách tổ chức, cá nhân đăng ký giá tại địa phương gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo điều chỉnh danh sách các tổ chức, cá nhân đăng ký giá trên địa bàn địa phương.

e) Tổ chức, cá nhân khi thực hiện đăng ký giá tại các sở, ngành có liên quan theo phân cấp (Sở Công Thương, Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện) gửi 01 bản đăng ký giá về Sở Tài chính để biết và tổng hợp vào Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh.

g) Biểu mẫu đăng ký giá thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Mục 2. KÊ KHAI GIÁ, NIÊM YẾT GIÁ

Điều 6. Tổ chức thực hiện kê khai giá

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá thực hiện kê khai giá bằng việc gửi thông báo mức giá đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi định giá, điều chỉnh giá. Trường hợp kê khai giảm giá, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện giảm giá ngay, đồng thời gửi văn bản kê khai giá để thông báo mức giảm giá đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Các trường hợp thực hiện kê khai giá gồm:

a) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh chỉ thực hiện bán buôn thì kê khai giá bán buôn.

b) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh vừa thực hiện bán buôn vừa thực hiện bán lẻ thì kê khai cả giá bán buôn và giá bán lẻ.

c) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh là đơn vị nhập khẩu, đồng thời là nhà phân phối độc quyền thì kê khai giá bán buôn và giá bán lẻ dự kiến (nếu có).

d) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh là nhà phân phối độc quyền thì kê khai giá bán buôn, giá bán lẻ hoặc giá bán lẻ dự kiến; là tổng đại lý có quyền quyết định giá và điều chỉnh giá thì kê khai giá bán buôn, giá bán lẻ hoặc giá bán lẻ dự kiến; là đại lý có quyền quyết định giá và điều chỉnh giá thì kê khai giá bán lẻ.

3. Văn bản kê khai giá thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục số 4 ban hành kèm theo Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính.

Điều 7. Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận văn bản kê khai giá

1. Sở Tài chính tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ sau:

a) Xi măng, thép xây dựng.

b) Than.

c) Thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm và thủy sản; thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, khử trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

d) Giấy in, viết (dạng cuộn), giấy in báo sản xuất trong nước.

đ) Cước vận chuyển hành khách bằng đường sắt loại ghế ngồi cứng, ghế ngồi mềm.

e) Sách giáo khoa.

g) Etanol nhiên liệu không biến tính; khí tự nhiên hóa lỏng (LNG); khí thiên nhiên nén (CNG).

2. Sở Công Thương tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu kê khai giá đối với: Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 6 tuổi theo quy định của Bộ Y tế.

3. Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu kê khai giá đối với: Cước vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định; cước vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định; cước vận tải hành khách bằng xe taxi.

4. Sở Y tế tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu kê khai giá đối với: Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân; khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện tiếp nhận kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4 Điều này trên địa bàn huyện.

6. Các đơn vị có thẩm quyền tiếp nhận văn bản kê khai giá phải đăng tải công khai trên Trang thông tin điện tử của đơn vị; Danh sách tổ chức, cá nhân kê khai giá; địa chỉ email, số điện thoại, số fax của đơn vị.

7. Tổ chức, cá nhân khi thực hiện kê khai giá tại các sở, ngành có liên quan theo phân cấp (Sở Công Thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện) gửi 01 bản kê khai giá về Sở Tài chính để biết và tổng hợp vào cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh.

8. Định kỳ vào ngày 01 tháng 07 hằng năm, sở quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền kê khai giá rà soát, đề xuất điều chỉnh danh sách tổ chức, cá nhân kê khai giá tại địa phương gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo điều chỉnh danh sách các tổ chức, cá nhân kê khai giá trên địa bàn địa phương.

Điều 8. Niêm yết giá

Tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh có nghĩa vụ thực hiện niêm yết giá theo hình thức thích hợp, rõ ràng không gây nhầm lẫn cho khách hàng về mức giá mua, giá bán hàng hóa, dịch vụ bằng cách in, dán, ghi giá trên bảng, trên giấy hoặc trên bao bì hàng hóa hoặc bằng hình thức khác tại nơi giao dịch hoặc nơi chào bán hàng hóa, dịch vụ để thuận tiện cho việc quan sát, nhận biết của khách hàng và cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Đồng tiền niêm yết giá là Đồng Việt Nam trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Giá niêm yết là giá hàng hóa, dịch vụ đã bao gồm các loại thuế, phí và lệ phí (nếu có) của hàng hóa, dịch vụ đó.

Mục 3. ĐỊNH GIÁ

Điều 9. Thẩm quyền và trách nhiệm định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh, đối với:

1. Giá các loại đất.
2. Giá cho thuê đất, thuê mặt nước.
3. Giá rừng bao gồm rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân do nhà nước làm đại diện chủ sở hữu.
4. Bộ đơn giá xây dựng cơ bản, giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước, giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật về nhà ở.
5. Giá nước sạch sinh hoạt, giá Báo Thái Nguyên.
6. Giá cho thuê tài sản nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương.
7. Giá sản phẩm dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật.
8. Giá cụ thể đối với: Sản phẩm, dịch vụ công ích thùy lợi do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ, dịch vụ trông giữ xe, dịch vụ sử dụng đò, dịch vụ qua cầu treo do tỉnh quản lý sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.
9. Giá tối đa đối với: Dịch vụ sử dụng đường bộ do địa phương quản lý các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh; dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ, dịch vụ trông giữ xe, dịch vụ sử dụng đò, dịch vụ qua cầu treo do tỉnh quản lý được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước; dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.
10. Mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hóa thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chi từ ngân sách địa phương và Trung ương; mức giá hoặc khung giá bán lẻ hàng hóa được trợ giá, trợ cước vận chuyển; giá cước vận chuyển cung ứng hàng hóa, dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa.
11. Giá tính thuế tài nguyên khoáng sản đối với các loại khoáng sản trên địa bàn tỉnh.
12. Giá tối thiểu đối với nhà để tính lệ phí trước bạ theo quy định của pháp luật; giá bồi thường tài sản nhà, công trình kiến trúc và giá bồi thường cây trồng, vật nuôi là thùy sản khi nhà nước thu hồi đất.
13. Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.
14. Triển khai Nghị quyết về các loại phí, lệ phí và chế độ thu nộp các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 10. Cơ quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc định giá và thẩm định giá là Sở Tài chính có trách nhiệm

1. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh phân công cụ thể thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá hoặc thẩm định phương án giá theo đề nghị của sở quản lý ngành, lĩnh vực, đơn vị sản xuất kinh doanh trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật về giá và quy định khác của pháp luật có liên quan. Trường hợp sở quản lý ngành, lĩnh vực, đơn vị sản xuất kinh doanh trình phương án giá để Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định thì phải có ý kiến bằng văn bản của Sở Tài chính trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

3. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh lập hồ sơ phương án giá theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 9 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính và gửi 01 bản chính (hoặc bản sao có chứng thực) về Sở Tài chính để thẩm định.

4. Trình tự thẩm định phương án giá, thời hạn quyết định giá thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ.

Chương III

QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM VỀ GIÁ CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG NƯỚC VÀ NƯỚC NGOÀI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Điều 11. Thẩm quyền quản lý nhà nước về giá của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về giá theo thẩm quyền.

2. Tổ chức thực hiện chính sách giá, triển khai thực hiện các văn bản pháp luật về giá, quyết định giá của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành, Trung ương kịp thời.

3. Quyết định các biện pháp áp dụng bình ổn giá theo thẩm quyền.

4. Chủ động áp dụng các biện pháp cần thiết theo chủ trương chính sách của nhà nước để bình ổn giá. Quyết định và công bố các biện pháp bình ổn giá đối với hàng hoá, dịch vụ quan trọng tại địa phương.

5. Quyết định giá một số loại hàng hoá, dịch vụ quy định tại Điều 9 Quy định này.

6. Thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động thẩm định giá thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

7. Thanh tra, kiểm tra giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về giá thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

Điều 12. Thẩm quyền quản lý nhà nước về giá của Sở Tài chính

1. Tham mưu xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh.

2. Tổ chức triển khai, thực hiện các văn bản pháp luật về giá, thẩm định giá và các quyết định về giá của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành trung ương trên địa bàn.

3. Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh chính sách, biện pháp trong việc quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh như công bố danh mục hàng hoá do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá, kê khai giá.

4. Tổ chức thẩm định giá tài sản nhà nước thuộc địa phương quản lý; chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện thẩm định giá đối với tài sản nhà nước theo phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh; kiểm tra, kiểm soát chi phí sản xuất và các yếu tố cấu thành giá và kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm về giá trên địa bàn.

5. Chủ trì phối hợp với các ngành thẩm định phương án giá tài sản hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều 9 Quy định này.

6. Chủ trì công bố giá gốc vật liệu xây dựng và phối hợp với Sở Xây dựng thông báo giá vật tư, vật liệu đến hiện trường xây lắp hằng tháng, làm cơ sở xác định đơn giá xây dựng cơ bản để thực hiện lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh.

7. Chủ tịch Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, hoạt động tư pháp.

8. Quyết định giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh khi được ủy quyền.

9. Chủ tịch Hội đồng định giá các loại hàng hoá tịch thu xung quỹ nhà nước theo quy định của pháp luật.

10. Phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức hiệp thương giá, kiểm soát giá độc quyền, chống bán phá giá, tổ chức hướng dẫn, kiểm tra việc niêm yết giá và bán theo giá niêm yết trên địa bàn tỉnh.

11. Kiểm tra yếu tố hình thành giá theo quy định của pháp luật.

12. Tổng hợp, phân tích và dự báo sự biến động giá trên địa bàn tỉnh; báo cáo tình hình thực hiện công tác quản lý nhà nước về giá tại địa phương theo quy định của Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh.

13. Thực hiện tiếp nhận hồ sơ đăng ký giá, kê khai giá và chủ trì hiệp thương giá của các tổ chức, cá nhân theo quy định của Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh và theo thẩm quyền.

14. Chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra việc thực hiện pháp luật về giá và thẩm định giá theo quy định hiện hành đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh; cho ý kiến bằng văn bản về kết quả thẩm định giá của các doanh nghiệp thẩm định giá đối với trường hợp mua sắm tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

15. Thực hiện thanh tra việc chấp hành những quy định của pháp luật về quản lý giá, thẩm định giá đối với các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Xử lý hoặc kiến nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về giá, thẩm định giá trên địa bàn.

16. Hướng dẫn các cơ quan nhà nước, các tổ chức, cá nhân xây dựng và tính phương án giá hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Thẩm quyền quản lý nhà nước về giá của các sở, ngành

1. Chỉ đạo các đơn vị thuộc ngành thực hiện các quyết định giá của cấp có thẩm quyền quyết định, các quy định về bình ổn giá, kê khai giá và niêm yết giá.

2. Có trách nhiệm tham mưu, xây dựng, lập, trình phương án giá hàng hóa, dịch vụ sau:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị có liên quan, căn cứ vào nguyên tắc, phương pháp xác định giá đất, khung giá các loại đất của Chính phủ quy định và hướng dẫn của bộ, ngành, Trung ương, điều tra khảo sát lập phương án giá các loại đất, giá đất cụ thể hoặc thuê tư vấn điều tra khảo sát lập phương án giá các loại đất, giá đất cụ thể trình Hội đồng thẩm định Bảng giá đất, Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh (Sở Tài chính) thẩm định, cho ý kiến bằng văn bản trước khi báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật về đất đai.

Riêng bảng giá đất, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh phê chuẩn trước khi quyết định công bố giá đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ vào diện tích, quy hoạch rừng và các quy định hiện hành lập phương án giá các loại rừng, giá cho thuê các loại rừng gửi Sở Tài chính thẩm định cho ý kiến bằng văn bản trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

c) Sở Xây dựng chủ trì lập phương án giá bồi thường nhà, công trình kiến trúc gắn liền với đất khi nhà nước thu hồi đất; đơn giá xây dựng cơ bản, giá dịch vụ công ích đô thị, giá nhân công trong xây dựng, bảng giá ca máy và thiết bị thi công lấy ý kiến của Sở Tài chính và các ngành có liên quan trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

d) Báo Thái Nguyên lập phương án giá bán báo gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 14. Thẩm quyền quản lý nhà nước về giá của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Triển khai đầy đủ và kịp thời các văn bản pháp luật về giá, thẩm định giá, thanh tra, kiểm tra xử lý các vi phạm về giá trên địa bàn để mọi tổ chức, cá nhân thực hiện theo quy định.

2. Tổ chức chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các quyết định giá của các cấp có thẩm quyền trên địa bàn.

3. Phối hợp với Sở Tài chính xây dựng phương án giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Quyết định giá, lập phương án giá của một số loại tài sản, hàng hóa, dịch vụ sau:

a) Giá tài sản hàng hóa tịch thu xung quỹ hoặc chuyển nhượng của khối cơ quan hành chính sự nghiệp, tài sản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước (theo phân cấp quản lý tài sản) trong các doanh nghiệp, cơ quan nhà nước thuộc cấp huyện quản lý khi đã được cấp có thẩm quyền quyết định cho bán hoặc thanh lý tài sản.

b) Lập phương án giá bán nước sạch nông thôn trình Sở Tài chính thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

c) Chủ tịch Hội đồng định giá trị tài sản hàng hóa của các vụ án hình sự, dân sự, hành chính, kinh tế do cấp huyện điều tra thụ lý, xử lý vụ án hình sự, dân sự, hành chính, kinh tế đó.

d) Điều tra thu thập thông tin, giá cả thị trường, giá hàng hóa vật tư lưu thông trên thị trường và lưu trữ thông tin về giá, báo cáo hàng tháng về Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài chính để nắm bắt tình hình giá cả thị trường (theo hướng dẫn của Sở Tài chính). Riêng đối với giá vật tư, vật liệu xây dựng cơ bản đồng thời gửi về Sở Xây dựng (theo hướng dẫn của Sở Xây dựng).

đ) Điều tra giá các loại đất, cập nhật thông tin về giá đất trên địa bàn, giá đất trên các trục đường giao thông, giá đất ở các vùng đô thị, nông thôn theo hướng dẫn của bộ, ngành Trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở ban ngành thuộc tỉnh trình Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính thẩm định theo quy định của pháp luật, định kỳ báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Tổ chức tiếp nhận đăng ký giá, kê khai giá, hướng dẫn thực hiện việc niêm yết giá hàng hóa, dịch vụ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài chính.

5. Tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm về giá theo quy định của pháp luật.

6. Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cho Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì và phối hợp với các phòng ban chuyên môn quản lý giá theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, kiểm tra việc chấp hành niêm yết giá, đăng ký giá, kê khai giá của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hoạt động trên địa bàn.

7. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo định kỳ hằng tháng và đột xuất về giá thị trường với Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài chính. Đồng thời lưu trữ cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh có các quyền sau đây:

a) Quyết định giá mua, giá bán hàng hoá, dịch vụ, trừ những hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục nhà nước định giá.

b) Quyết định giá hàng hoá, dịch vụ trong khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định.

c) Khiếu nại quyết định về giá của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thiệt hại đến lợi ích hợp pháp của mình.

d) Khiếu nại tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật về giá.

đ) Yêu cầu tổ chức, cá nhân bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh có nghĩa vụ sau đây:

a) Lập phương án giá theo phương pháp tính giá do cơ quan có thẩm quyền quy định đối với hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá để trình cơ quan có thẩm quyền quyết định và chấp hành quyết định về giá đó.

b) Chủ doanh nghiệp thực hiện nghiêm túc việc niêm yết giá, kê khai giá, cung cấp thông tin về giá, các quyết định giá, công khai thông tin về giá theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 8 Quy định này.

c) Chấp hành các biện pháp của nhà nước nhằm bình ổn giá thị trường quy định tại Quy định này.

d) Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác về phẩm cấp, tiêu chuẩn, chất lượng hàng hoá, dịch vụ được sản xuất kinh doanh của mình ở địa phương theo quy định của pháp luật. Chấp hành đầy đủ theo yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra giá, báo cáo đầy đủ và kịp thời về giá thành sản xuất, giá bán, giá mua, chi phí sản xuất lưu thông hàng hoá dịch vụ theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

đ) Bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật về giá theo quy định của pháp luật.

e) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Những doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân được nhà nước giao nhiệm vụ sản xuất, cung ứng, dịch vụ sản phẩm hàng hoá thuộc thẩm quyền quyết định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh, hoặc của Sở Tài chính và hàng hoá dịch vụ được trợ giá, trợ cước vận chuyển hoặc sản xuất, cung ứng dịch vụ sản phẩm hàng hoá theo đơn đặt hàng của nhà nước và thanh toán toàn bộ hoặc một phần bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước phải báo cáo đầy đủ, trung thực mọi chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất, cung ứng dịch vụ hàng hoá đó cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xây dựng, lập, trình phương án giá hoặc quyết định giá theo thẩm quyền.

Điều 16. Tài sản nhà nước phải thẩm định giá và hoạt động thẩm định giá của nhà nước

Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 31 Luật Giá năm 2012; Mục 4 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ; Điều 11, Điều 12 Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Chương IV

XỬ LÝ VI PHẠM VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá

Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá bị xử lý theo quy định tại Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ, Nghị định số 49/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ và Thông tư số 31/2014/TT-BTC ngày 07 tháng 3 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 153/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 31/2014/TT-BTC.

Điều 18. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài chính triển khai, hướng dẫn các sở ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh, dịch vụ liên quan thực hiện Quy định này.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện các quy định quản lý nhà nước về giá theo quy định của Trung ương và Quy định này.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị có liên quan kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Tài chính để nghiên cứu tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét và điều chỉnh cho phù hợp./.



Vũ Hồng Bắc